

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀ AN
TỈNH CAO BẰNG**

Bản án số: 11/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 08 -9-2022

Về việc: “Ly hôn”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀ AN, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dong.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bế Nhật Độ.

2. Bà Hoàng Thị Bằng.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Hồng Nụ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoà An, Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2022 về việc “**Ly hôn**” theo Q định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nông Thị Q; Sinh năm 1968;

Nơi đăng ký HKTT: xóm H, xã H, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

Địa chỉ cư trú hiện nay: Tổ 8, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. (Có mặt).

Bị đơn: Ông Bế Ích Qu; Sinh năm 1961;

Nơi đăng ký HKTT và địa chỉ cư trú hiện nay: xóm H, xã H, huyện H, tỉnh Cao Bằng. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/7/2022 và trong quá trình giải quyết, xét xử nguyên đơn bà Nông Thị Q trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Bế Ích Qu tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương vào năm 1985, trước khi kết hôn, hai vợ chồng có được tìm hiểu nhau và kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố C vào năm 1986 không nhớ ngày tháng. Hiện nay giấy chứng nhận kết hôn đã bị thất lạc nên không thể cung cấp cho Tòa án được. Quá trình

chung sống: Sau khi kết hôn, thời gian đầu, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Sau đó, thời gian khi các con còn nhỏ, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân từ năm 2008 cho đến nay. Trong quá trình mâu thuẫn có xảy ra xô xát, đánh đập nhưng không gây thương tích lớn. Mâu thuẫn đã được vợ chồng tự hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được. Nay, bà xác định mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Qu. Về con chung: Vợ chồng có 02 (hai) con chung là Bé Ngọc A sinh ngày 22/9/1987 và Bé Ngọc B sinh ngày 06/11/1988. Hiện nay, các con chung đã đủ tuổi thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, vay nợ chung: Vợ chồng có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: không có.

* Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Bé Ích Qu trình bày:

Về thời gian và điều kiện kết hôn, ông Qu thừa nhận đúng như bà Q đã trình bày. Về quá trình chung sống vợ chồng: Sau khi kết hôn, thời gian đầu, vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc. Năm 2006, khi bà Q đi xuất khẩu lao động tại Malaysia, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Trong quá trình mâu thuẫn không xảy ra xô xát gì. Mâu thuẫn được hòa giải nhưng kết quả không thành và vợ chồng đã ly thân từ năm 2007 đến nay. Nay, bà Q xin ly hôn, ông nhất trí ly hôn vì xác định vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn đã trầm trọng.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Nhất trí như bà Q trình bày là đúng. Sau khi thụ lý hồ sơ vụ án, tòa án đã tiến hành lên lịch hòa giải vào hồi 9 giờ ngày 19/8/2022 Tòa án nhân dân huyện Hòa An lập Biên bản hòa giải giữa bà Nông Thị Q và ông Bé Ích Qu, Hai bên đương sự đã nhất trí thuận tình ly hôn. Tuy nhiên, về thời gian kết hôn hai bên xác định vợ chồng kết hôn vào năm 1986 nhưng không cung cấp được cho Tòa án giấy chứng nhận kết hôn do giấy đã bị thất lạc nên Tòa án cần phải đi xác minh và thu thập thêm tài liệu, chứng cứ thì mới giải Q được vụ án.

Tại biên bản xác minh hồi 14 giờ 30 phút ngày 19/8/2022 với bà Đoàn Thị Bích Q - Công chức tư pháp phường Đ, thành phố C thể hiện: Hiện nay, tại Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) phường Đ còn lưu trữ sổ đăng ký kết hôn từ năm 1997 đến nay, việc đăng ký kết hôn từ năm 1997 trở về trước không còn sổ sách lưu trữ. Vì vậy, UBND phường Đ không xác định được việc bà Nông Thị Q và ông Bé Ích Qu có đăng ký tại UBND hay không.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nông Thị Q vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình. Bị đơn ông Bé Ích Qu giữ nguyên những ý kiến đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết, xét xử vụ án việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thu thập tài liệu, chứng cứ thực hiện đúng quy định và đảm bảo quyền lợi của người tham gia tố tụng.

Việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử công khai tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ điểm a mục 3 Nghị Q 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Căn cứ các Điều 51, 55 Luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn. Về con chung: vợ chồng có hai con, hiện nay các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: vợ chồng xác nhận có nhưng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí thì bà Q phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ của vụ án đã được thẩm tra, trên cơ sở những lời trình bày và kết quả tranh luận của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nông Thị Q kết hôn với ông Bé Ích Qu, địa chỉ: xóm H, xã H, huyện H, tỉnh Cao Bằng và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng (nhưng hai bên xác nhận là giấy chứng nhận kết hôn đã bị thất lạc nên không cung cấp được cho Tòa án). Nay bà Q khởi kiện xin ly hôn với ông Qu, nên quan hệ pháp luật được xác định là tranh chấp “Ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa An, Cao Bằng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nông Thị Q và ông Bé Ích Qu kết hôn trên cơ sở tự nguyện có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán vào năm 1985 và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng vào năm 1986 (nhưng hiện nay giấy tờ đã bị thất lạc nên không cung cấp cho Tòa án được). Tòa án đã thực hiện việc xác minh và thu thập chứng cứ tại UBND phường Đ nhưng do phường không còn sổ lưu trữ nên không xác định được việc kết hôn của bà Q, ông Qu. Tuy nhiên, bà Q và ông Qu cùng thừa nhận, nên được coi đây là những tình

tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ điểm a mục 3 Nghị Q 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội quy định: “*Trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03/01/1987, ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn; trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý và giải quyết theo quy định về Luật hôn nhân và gia đình năm 2000*”. Do vậy, việc bà Q kết hôn với ông Qu thời điểm năm 1986, xét vợ chồng kết hôn trước thời điểm ngày 03/01/1987 vợ chồng có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, sau khi ăn cưới vợ chồng chung sống với nhau và có hai con chung nên được xác định đây là hôn nhân thực tế. Do đó, xác nhận về quan hệ hôn nhân giữa bà Q với ông Qu là hợp pháp. Nay bà Q có đơn yêu cầu xin ly hôn với ông Qu là có cơ sở để chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của bà Q đối với ông Qu thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sống chung với nhau tại xóm H, xã H, huyện H thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khi các con còn nhỏ được khoảng 10 tuổi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do nguyên nhân bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp đã dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng và đã sống ly thân từ năm 2008 cho đến nay. Hiện tại mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, hai vợ chồng đã không còn quan tâm đến nhau nên bà Q đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải Q việc ly hôn. Phía ông Qu cũng xác nhận là vợ chồng đã có nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm nên việc yêu cầu giải Q việc ly hôn của bà Q thì ông Qu cũng nhất trí. Xét thực tế quan hệ hôn nhân đã tan vỡ không thể hàn gắn lại được, cuộc sống chung đã không còn hạnh phúc, tình trạng hôn nhân của vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên căn cứ vào các Điều 51, 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận việc yêu cầu xin ly hôn của bà Q và ông Qu là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về con chung : Bà Q và ông Qu cùng xác nhận có 02 (hai) con chung là Bé Ngọc A sinh ngày 22/9/1987 và Bé Ngọc B sinh ngày 06/11/1988. Hiện nay, các con chung đã đủ tuổi thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết do vậy Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[5] Về tài sản chung: Bà Q và ông Qu cùng xác nhận có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét. Về vay nợ chung: Bà Q và ông Qu cùng xác nhận không có vay nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[6] Về án phí: Áp dụng Khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị Q 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về

mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phát biểu là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 235; Điều 266; Điều 267; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị Q 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; các Điều 51, 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nông Thị Q đối với ông Bé Ích Qu. Quan hệ hôn nhân giữa bà Q và ông Qu chấm dứt kể từ thời điểm bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung : Bà Q và ông Qu cùng xác nhận có 02 (hai) con chung là Bé Ngọc A sinh ngày 22/9/1987 và Bé Ngọc B sinh ngày 06/11/1988. Hiện nay, các con chung đã đủ tuổi thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà Q và ông Qu cùng xác nhận vợ chồng có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Bà Q và ông Qu cùng xác nhận không có vay nợ chung.

4. Về án phí: Buộc bà Nông Thị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) để sung quỹ Nhà nước. Nhưng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003626 ngày 03/8/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng. Xác nhận bà Q đã nộp đủ tiền án phí.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND phường Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Dong